

PHỤ LỤC IV

**BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH
(FINTECH) TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG KỶ QUÝ/NĂM**
(Kèm theo Nghị định số 94/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ)

**TỔ CHỨC THAM GIA
CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM**

.... , ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO
VỀ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH
(FINTECH) TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG**
Kỳ (Quý/Năm)...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

I. Giải pháp Fintech trong lĩnh vực ngân hàng mà tổ chức cung cấp

1. Tên giải pháp Fintech trong lĩnh vực ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm.
2. Báo cáo chi tiết theo từng giải pháp Fintech trong lĩnh vực ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm:
- 2.1. Tình hình cung ứng dịch vụ (Các tổ chức báo cáo tùy theo đặc thù của giải pháp thử nghiệm, trường hợp không có dữ liệu thì ghi chú là không có dữ liệu).

Chỉ tiêu	Định nghĩa	Định kỳ báo cáo
2.1.1. Thông tin đối tác		
G-1 Thông tin tên thương hiệu dịch vụ	Tên ứng dụng, tên thương hiệu dịch vụ để khách hàng có thể nhận biết dịch vụ mà Công ty công nghệ tài chính/Ngân hàng đang triển khai; không gây nhầm lẫn với các dịch vụ, thương hiệu hiện có trên thị trường.	Quý/năm
G-2 Đối tác hợp tác	Danh sách ngân hàng/tổ chức/đối tác hợp tác trong quá trình thử nghiệm tính đến cuối kỳ báo cáo.	Quý/năm
2.1.2. Tình hình về số lượng khách hàng		
G-3 Khách hàng cá nhân	Số lượng khách hàng cá nhân sử dụng dịch vụ (tính đến cuối kỳ báo cáo).	Quý/năm

G-4 Khách hàng tổ chức	Số lượng khách hàng tổ chức sử dụng dịch vụ.	Quý/năm
2.1.3. Về không gian thử nghiệm		
G-5 Khu vực triển khai thử nghiệm trong nước	Số lượng tỉnh, thành phố, khu vực nơi Công ty công nghệ tài chính/Ngân hàng triển khai thử nghiệm (tính đến cuối kỳ báo cáo).	Quý/năm
2.1.4. Tình hình giao dịch		
2.1.4.1 Giao dịch toàn hệ thống		
G-6 Số lượng giao dịch xử lý thành công	Tổng số lượng giao dịch được hệ thống xử lý thành công theo từng tháng trong kỳ báo cáo.	Quý/năm
G-7 Giá trị giao dịch xử lý thành công	Tổng giá trị giao dịch được hệ thống xử lý thành công theo từng tháng trong kỳ báo cáo.	Quý/năm
G-8 Số lượng giao dịch xử lý không thành công	Tổng số lượng giao dịch được hệ thống xử lý không thành công theo từng tháng trong kỳ báo cáo.	Quý/năm
G-9 Giá trị giao dịch xử lý không thành công	Tổng giá trị giao dịch được hệ thống xử lý không thành công theo từng tháng trong kỳ báo cáo.	Quý/năm
2.1.4.2 Giao dịch của khách hàng tổ chức		
G-10 Số lượng giao dịch của khách hàng tổ chức	Tổng số lượng giao dịch của khách hàng tổ chức được hệ thống xử lý thành công theo từng tháng trong kỳ báo cáo.	Quý/năm
G-11 Giá trị giao dịch của khách hàng tổ chức	Tổng giá trị giao dịch của khách hàng tổ chức được hệ thống xử lý thành công theo từng tháng trong kỳ báo cáo.	Quý/năm
G-12 Giá trị giao dịch của khách hàng tổ chức theo hình thức khoản vay	Tổng giá trị giao dịch của khách hàng tổ chức được xử lý thành công phân chia theo hình thức vay (không/có tài sản đảm bảo).	Quý/năm
2.1.4.3 Giao dịch của khách hàng cá nhân		
G-13 Số lượng giao dịch của cá nhân	Tổng số lượng giao dịch của khách hàng cá nhân được hệ thống xử lý thành công theo từng tháng trong kỳ báo cáo.	Quý/năm
G-14 Giá trị giao dịch của cá nhân	Tổng giá trị giao dịch của khách hàng cá nhân được hệ thống xử lý thành công theo từng tháng trong kỳ báo cáo.	Quý/năm
G-15 Giá trị giao dịch của khách hàng cá nhân theo hình thức khoản vay	Tổng giá trị giao dịch của khách hàng cá nhân được xử lý thành công phân chia theo hình thức vay (không/có tài sản đảm bảo).	Quý/năm

2.2. Tình hình rủi ro

Chỉ tiêu	Định nghĩa	Định kỳ báo cáo
2.2.1. Rủi ro vận hành		
R-1 Khoảng thời gian xảy ra sự cố	Tổng số thời gian (tính theo giờ) xảy ra sự cố làm gián đoạn việc cung ứng dịch vụ trong kỳ báo cáo.	Quý/năm
R-2 Số lượng giao dịch liên quan đến sự cố	Tổng số lượng giao dịch liên quan đến sự cố trong kỳ báo cáo.	Quý/năm
R-3 Giá trị giao dịch liên quan đến sự cố	Tổng giá trị giao dịch liên quan đến sự cố trong kỳ báo cáo.	Quý/năm
2.2.2. Rủi ro gian lận, giả mạo		
R-4 Số lượng giao dịch liên quan đến các vụ việc phát sinh rủi ro	Tổng số lượng giao dịch liên quan đến rủi ro gian lận, giả mạo đã được phát hiện trong kỳ báo cáo.	Quý/năm
R-5 Giá trị giao dịch liên quan đến các vụ việc phát sinh rủi ro	Tổng giá trị giao dịch liên quan đến rủi ro gian lận, giả mạo đã được phát hiện trong kỳ báo cáo.	Quý/năm
R-6 Số lượng các khiếu nại	Tổng số lượng giao dịch khiếu nại của khách hàng đã phát sinh trong kỳ báo cáo.	Quý/năm
R-7 Số lượng khiếu nại đã được giải quyết	Tổng số lượng giao dịch khiếu nại đã được tổ chức thử nghiệm giải quyết trong kỳ báo cáo.	Quý/năm
R-8 Số lượng khiếu nại chưa được giải quyết	Tổng số lượng giao dịch khiếu nại chưa được tổ chức thử nghiệm giải quyết trong kỳ báo cáo.	Quý/năm

2.3. Các thông số khác (nếu có, tùy theo đặc thù của giải pháp thử nghiệm).

II. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thử nghiệm giải pháp

III. Những kiến nghị, đề xuất (nếu có)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)